

Stt	Danh mục	ĐVT	SL	Vật liệu	KL (Kg)/ Thể tích	Tình trạng
109	Tranh treo tường đã cũ;	Cái	2	Chất liệu vải, sơn dầu		Tranh không được bảo quản đúng kỹ thuật, rách, ẩm, mốc
110	Bộ bàn ghế tiếp khách bằng nhựa giả mây đan (gồm 01 ghế dài, 01 bàn, 02 ghế nhỏ) đã cũ;	Bộ	1	Nhựa, sắt	78,00	Nhựa lão hóa. Khung sắt han gỉ
111	Bao niêm phong đánh số 54;	Bao	1	Giấy		Đã cũ, rách, ố màu
L. Phòng họp						
112	Bao niêm phong đánh số VP55 đến VP56;	Bao	2	Giấy		Đã cũ, rách, ố màu
113	Bộ bàn ghế họp bằng gỗ gồm 01 bàn + 10 ghế đã cũ;	Bộ	1	Chất liệu chủ yếu gỗ ép		Gỗ ép ẩm, mốc. Một số bộ phận bị tháo rời
114	Bộ điều hòa gồm 01 cục nóng + 01 cục lạnh đã cũ;	Bộ	1	Sắt, nhựa nhôm, đồng. Khối lượng cục nóng 35 kg, cục lạnh 10kg	45,00	Vỏ máy bị biến dạng, nứt vỡ lớp nhựa bảo vệ; các chi tiết dàn lạnh, dàn lạnh bị oxi hóa, han gỉ nặng. Các linh kiện bên trong (mạch điều khiển, quạt gió, dàn đồng) đã bị hư hỏng và bám bẩn nghiêm trọng.
M. Phòng hóa						
115	Lò ống sưởi điện đã cũ;		1	Sắt	3,70	Han gỉ, các linh kiện đã bị tháo rời
116	Tủ sấy đối lưu không khí nóng dòng SH đã cũ;	Tủ	1	Chất liệu sắt	21,60	Lò điện trở cũ, han gỉ và không còn hoạt động
III. XƯỞNG GIA CÔNG CƠ KHÍ (32)						
117	Ghế nhựa, bị hỏng, nhiều cái gãy chân;	Cái	60	Vỏ nhựa, bọc khung sắt. Vỏ nhựa 0.7 kg, khung sắt 2.45 kg	189,00	Ghế cũ, vỏ vỡ, khung sắt han gỉ, cong
118	Ghế inox đã cũ, nhiều ghế bị hỏng, gãy chân;	Cái	30	Vật liệu inox. Khối lượng 1.05 kg/ chiếc	31,50	Ghế cũ, hỏng, bung mặt ghế rời ra
IV. NHÀ BIẾN ÁP (20)						